

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2011
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đình Châm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thạc Kim	Ủy viên
Ông Vũ Quý Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Phúc Hường	Ủy viên
Ông Thạch Anh Đức	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thạc Kim	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Hường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thạch Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Lê Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Mạnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Thạc Kim
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 1

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 03 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 10, phần thuyết minh báo cáo tài chính, số dư đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 37.883.420.000 đồng. Tại ngày báo cáo này chúng tôi chưa được cung cấp các báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét bởi kiểm toán viên độc lập của các Công ty mà Công ty có khoản đầu tư dài hạn. Do hạn chế nêu trên, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá tính đầy đủ của khoản dự phòng giảm giá đã trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số công trình chưa được phê duyệt quyết toán tuy nhiên theo quy định về kế toán hiện hành thì những khoản phải thu này đã thuộc diện phải thu quá hạn và cần lập dự phòng. Nếu thực hiện việc trích lập các khoản dự phòng này theo các quy định kế toán hiện hành thì giá trị khoản phải thu cũng như kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty sẽ giảm đi số tiền khoảng 6,5 tỷ đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		763,786,362,814	705,651,202,056
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	68,968,356,415	80,999,675,984
1. Tiền	111		10,919,357,715	6,999,675,984
2. Các khoản tương đương tiền	112		58,048,998,700	74,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,134,000,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,134,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151,071,901,426	187,656,919,827
1. Phải thu khách hàng	131		115,034,408,139	139,444,255,630
2. Trả trước cho người bán	132		36,351,361,029	45,736,157,118
3. Các khoản phải thu khác	135		2,049,380,407	4,839,755,228
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2,363,248,149)	(2,363,248,149)
IV. Hàng tồn kho	140	6	488,333,385,572	401,638,981,560
1. Hàng tồn kho	141		488,776,316,633	402,081,912,621
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(442,931,061)	(442,931,061)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54,278,719,401	35,355,624,685
1. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,612,626,600	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		51,666,092,801	35,355,624,685
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		97,182,693,414	76,806,234,820
I. Tài sản cố định	220		46,285,999,282	38,144,033,749
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	32,868,618,217	29,437,779,744
- Nguyên giá	222		80,080,764,394	72,149,527,720
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47,212,146,177)	(42,711,747,976)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	8,373,737,377	8,464,646,467
- Nguyên giá	228		8,746,772,727	8,746,772,727
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(373,035,350)	(282,126,260)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		5,043,643,688	241,607,538
II. Bất động sản đầu tư	240	9	2,458,660,598	2,521,703,180
- Nguyên giá	241		3,152,128,963	3,152,128,963
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(693,468,365)	(630,425,783)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34,095,308,760	34,095,308,760
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	37,883,420,000	37,883,420,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3,788,111,240)	(3,788,111,240)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		14,342,724,774	2,045,189,131
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	14,342,724,774	2,045,189,131
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		860,969,056,228	782,457,436,876

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		656,839,859,860	572,735,554,045
I. Nợ ngắn hạn	310		654,277,936,574	568,905,245,959
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	109,013,071,365	108,562,297,511
2. Phải trả người bán	312		106,762,572,629	112,107,042,341
3. Người mua trả tiền trước	313		332,550,606,133	208,926,762,251
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3,739,849,476	32,846,501,856
5. Phải trả người lao động	315		30,287,352,717	32,593,283,742
6. Chi phí phải trả	316		31,037,121,640	26,487,703,596
7. Phải trả nội bộ	317		28,663,524	4,297,222
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	33,480,493,820	42,781,502,873
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7,378,205,270	4,595,854,567
II. Nợ dài hạn	330		2,561,923,286	3,830,308,086
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	1,766,595,720	3,006,595,720
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		795,327,566	823,712,366
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		204,129,196,368	209,721,882,831
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	204,129,196,368	209,721,882,831
1. Vốn điều lệ	411		74,000,000,000	74,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,364,960,000	32,364,960,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(551,001,300)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		71,961,473,865	38,732,576,247
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		11,694,336,763	5,813,224,561
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14,659,427,040	58,811,122,023
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		860,969,056,228	782,457,436,876

Nguyễn Thạc Kim
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Duy Hải
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	180,933,976,448	204,750,525,723
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		180,933,976,448	204,750,525,723
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	153,208,599,723	179,573,819,926
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		27,725,376,725	25,176,705,797
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	7,403,084,990	8,548,611,531
7. Chi phí tài chính	22	20	10,121,571,091	9,052,757,308
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10,121,571,091</i>	<i>8,728,704,935</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,823,917,847	7,553,467,623
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		18,182,972,777	17,119,092,397
10. Thu nhập khác	31		429,565,882	604,545,455
11. Chi phí khác	32		85,967,939	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		343,597,943	604,545,455
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18,526,570,720	17,723,637,852
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	3,867,143,680	3,719,925,963
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14,659,427,040	14,003,711,889
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1,981	1,892

Nguyễn Thạc Kim
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Duy Hải
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18,526,570,720	17,723,637,852
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4,654,349,873	2,421,939,299
- Các khoản dự phòng	03	-	1,084,989,638
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7,401,386,297)	(7,185,825,722)
- Chi phí lãi vay	06	10,121,571,091	8,728,704,935
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	25,901,105,387	22,773,446,002
trước thay đổi vốn lưu động			
- Giảm các khoản phải thu	09	20,105,134,647	24,785,556,500
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(86,694,404,012)	(81,802,032,682)
-Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay	11	91,369,763,263	(18,834,859,374)
phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(12,297,535,643)	663,564,954
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10,121,571,091)	(2,572,598,935)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(15,998,297,855)	(5,645,357,932)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3,598,761,500)	(2,173,853,141)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8,665,433,196	(62,806,134,608)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(12,185,091,006)	(802,741,507)
và các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	604,545,455
và các tài sản dài hạn khác			
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1,134,000,000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(438,367,099)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,026,386,297	5,781,280,267
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6,292,704,709)	5,144,717,116
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(551,001,300)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	141,340,720,102	82,268,585,762
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(142,129,946,248)	(80,232,061,637)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(13,063,820,610)	(5,874,903,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14,404,048,056)	(3,838,379,075)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12,031,319,569)	(61,499,796,567)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	80,999,675,984	83,358,129,497
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	68,968,356,415	21,858,332,930

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 603 triệu đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Thạc Kim
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Duy Hải
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ-BXD ngày 29 tháng 08 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 1 - Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 1. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002982 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2003, chuyển đổi lần thứ 8 ngày 18 tháng 03 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 14 tháng 5 năm 2009 với mã cổ phiếu là VC1.

Vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8: 74.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số D9, đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 938 (31 tháng 12 năm 2010 là 1.038).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình hạ tầng: Giao thông thủy lợi, cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Kinh doanh phát triển khu đô thị mới, hạ tầng khu công nghiệp và kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Tư vấn đầu tư thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự án;
- Kinh doanh khách sạn du lịch lữ hành;
- Đại lý cho các hãng trong và ngoài nước kinh doanh các mặt hàng phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, xuất khẩu xây dựng;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và nông thôn, xử lý nước thải và nước sinh hoạt;
- Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- Thi công xây dựng cầu, đường;
- Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình, lập dự án đầu tư;
- Dịch vụ quản lý nhà ở đô thị và văn phòng cho thuê;
- Sản xuất, gia công lắp đặt các sản phẩm cơ khí;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi; vận chuyển, xếp dỡ hàng hoá;
- Phá dỡ các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê thiết bị, máy móc xây dựng; giàn giáo cốp pha;
- Kinh doanh tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	4-6
Phương tiện vận tải	3-10
Khác	2-5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu Đan Phượng, Hà Nội được khấu hao theo thời hạn thuê đất là 48 năm.

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 25 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày đầu tư góp vốn vào các Công ty cổ phần và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty cổ phần khi vốn góp thực tế của các bên tại Công ty cổ phần lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị giảm giá của cốt pha, công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 2 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao cho người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu - giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành khối lượng công việc xây dựng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty không có bất kỳ tài sản hoặc nợ thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	368,251,202	656,648,610
Tiền gửi ngân hàng	10,551,106,513	6,343,027,374
Các khoản tương đương tiền (i)	58,048,998,700	74,000,000,000
	68,968,356,415	80,999,675,984

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy và khoản ủy thác quản lý vốn dưới 3 tháng ký giữa Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2,148,473,998	2,341,551,457
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	483,277,449,794	397,064,440,970
Thành phẩm	2,050,922,336	1,376,449,689
Hàng hoá	1,299,470,505	1,299,470,505
Cộng	488,776,316,633	402,081,912,621
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(442,931,061)	(442,931,061)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	488,333,385,572	401,638,981,560

- (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh chi phí thi công các công trình dự án đang thực hiện chưa được bàn giao cho các chủ đầu tư, trong đó một số công trình dự án có số dư lớn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Dự án Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp VINACONEX 1	284,041,272,924	206,297,380,249
- Nhà ở cảnh sát 113	14,657,197,730	17,116,938,916
- AZ Lâm Viên	8,907,823,401	13,015,021,240
- Bệnh viện nội tiết	13,928,860,748	9,771,910,189
- Nhà máy may Tinh Lợi	6,301,183,348	7,935,513,392
- 151-160 Mai Hắc Đế	6,300,221,319	6,879,819,437
- Nhà máy nước Gia Lâm	9,017,077,442	5,813,774,153
- Trường Quốc tế Việt Nam	9,218,023,263	235,330,357
- Khu sinh thái Vincom	6,616,284,343	-
- TT quảng cáo và DV đài truyền hình Việt Nam	7,531,654,008	-
- Khác	116,757,851,268	129,998,753,037
	483,277,449,794	397,064,440,970

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	18,189,834,036	46,091,101,647	6,862,568,509	1,006,023,528	72,149,527,220
Tăng do mua sắm	2,603,662,855	3,631,814,728	1,448,901,818	246,857,273	7,931,236,674
Tại ngày 30/06/2011	20,793,496,891	49,722,916,375	8,311,470,327	1,252,880,801	80,080,764,394
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	3,875,002,412	31,548,675,448	6,502,609,449	785,460,667	42,711,747,976
Khấu hao trong kỳ	847,591,107	3,398,075,907	184,182,408	70,548,779	4,500,398,201
Tại ngày 30/06/2011	4,722,593,519	34,946,751,355	6,686,791,857	856,009,446	47,212,146,177
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2011	16,070,903,372	14,776,165,020	1,624,678,470	396,871,355	32,868,618,217
Tại ngày 31/12/2010	14,314,831,624	14,542,426,199	359,959,060	220,562,861	29,437,779,744

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị 33.868.109.265 đồng (tại ngày 31/12/2010: 32.235.342.168 đồng).

Công ty đã thế chấp văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản cố định hữu hình khác với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 24.180.376.284 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 29.437.779.744 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	8,727,272,727	19,500,000	8,746,772,727
Tại ngày 30/06/2011	8,727,272,727	19,500,000	8,746,772,727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	262,626,260	19,500,000	282,126,260
Khấu hao trong kỳ	90,909,090	-	90,909,090
Tại ngày 30/06/2011	353,535,350	19,500,000	373,035,350
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2011	8,373,737,377	-	8,373,737,377
Tại ngày 31/12/2010	8,464,646,467	-	8,464,646,467

Công ty đã thế chấp giá trị quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 8.373.737.377 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 8.464.646.467 đồng) để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (xem Thuyết minh số 12).

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2010	3,152,128,963
Tại ngày 30/06/2011	3,152,128,963
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2010	630,425,783
Khấu hao trong kỳ	63,042,582
Tại ngày 30/06/2011	693,468,365
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/06/2011	2,458,660,598
Tại ngày 31/12/2010	2,521,703,180

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 2.458.660.598 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.521.703.180 đồng) để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (xem Thuyết minh số 12).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, tại ngày 30/06/2011, Công ty không trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do công ty chưa thuê công ty định giá độc lập để xác định giá trị hợp lý đồng thời cũng không có giá so sánh đáng tin cậy để trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2011		31/12/2010	
	Cổ phần	VND	Cổ phần	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	614,800	6,148,000,000	614,800	6,148,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Khách Sạn Suối Mơ	50,000	500,000,000	50,000	500,000,000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	51,300	513,000,000	51,300	513,000,000
Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	20,000	200,000,000	20,000	200,000,000
Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước	151,250	1,512,500,000	151,250	1,512,500,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vinaconex - Hoàng Thành	1,875,000	18,750,000,000	1,875,000	18,750,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex UPGC	480,000	4,800,000,000	580,000	4,800,000,000
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	45,992	459,920,000	45,992	459,920,000
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	500,000	5,000,000,000	500,000	5,000,000,000
	37,883,420,000		37,883,420,000	

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn cho các khoản đầu tư dài hạn khác tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 do Công ty chưa thu thập được các báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập của các Công ty mà Công ty có khoản đầu tư dài hạn.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí mua giàn giáo cốt pha	12,767,373,743	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1,575,351,031	2,045,189,131
	14,342,724,774	2,045,189,131

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	106,533,071,365	106,082,297,511
Vay ngân hàng	69,622,504,965	103,671,731,111
Vay các đối tượng khác	36,910,566,400	2,410,566,400
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	2,480,000,000	2,480,000,000
	109,013,071,365	108,562,297,511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

Stt	Đối tượng cho vay	Lãi suất (%/tháng)	Thời hạn vay (tháng)	Tổng giá trị khoản vay (VND)	Số dư nợ gốc tại 30/06/2011 (VND)	Phương thức bảo đảm
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	1.70%	9	180,000,000,000	22,136,954,132	Thế chấp
2	Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	0.00%	12	2,410,566,400	2,410,566,400	Tín chấp
3	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	1.50%	11	50,000,000,000	49,965,550,833	Tín chấp
4	Vay cán bộ nhân viên			34,500,000,000	34,500,000,000	
					109,013,071,365	

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (xem Thuyết minh số 7, 8 và 9).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	754,356,711	19,275,449,310
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,971,675,887	13,520,646,721
Thuế thu nhập cá nhân	13,816,878	50,405,825
	3,739,849,476	32,846,501,856

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	1,362,074,723	1,676,513,920
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	385,595,744	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	131,854,481	131,854,481
Phải trả, phải nộp khác	31,600,968,872	40,973,134,472
	33,480,493,820	42,781,502,873

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn	2,480,000,000	3,720,000,000
Nợ dài hạn khác	1,766,595,720	1,766,595,720
	4,246,595,720	5,486,595,720
<i>Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)</i>	2,480,000,000	2,480,000,000
Số phải trả sau 12 tháng	1,766,595,720	3,006,595,720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết khoản vay dài hạn:

Tại ngày 15 tháng 6 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy với số tiền 6.200.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2010 đến ngày 25 tháng 6 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/ năm, từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 01 tháng 4 năm 2010, lãi suất điều chỉnh là 12% năm, từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 14,3%/năm và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư của khoản vay này là 2.480.000.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	2,480,000,000	2,480,000,000
Trong năm thứ hai		1,240,000,000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
Sau năm năm	1,766,595,720	1,766,595,720
	4,246,595,720	5,486,595,720
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	<i>2,480,000,000</i>	<i>2,480,000,000</i>
Số phải trả sau 12 tháng	1,766,595,720	3,006,595,720

Payment schedule

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	2,480,000,000	2,480,000,000
Trong năm thứ hai		1,240,000,000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
Sau năm năm	1,766,595,720	1,766,595,720
	4,246,595,720	5,486,595,720
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	<i>2,480,000,000</i>	<i>2,480,000,000</i>
Số phải trả sau 12 tháng	1,766,595,720	3,006,595,720

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
D9, đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	74,000,000,000	32,364,960,000	-	28,121,724,445	4,297,388,590	-	30,316,719,435	169,100,792,470
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	58,811,122,023	58,811,122,023
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	10,610,851,802	1,515,835,971	500,000,000	(16,996,719,435)	(4,370,031,662)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(500,000,000)	-	(500,000,000)
Chia Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(13,320,000,000)	(13,320,000,000)
Số dư tại ngày 01/01/2011	74,000,000,000	32,364,960,000	-	38,732,576,247	5,813,224,561	-	58,811,122,023	209,721,882,831
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	14,659,427,040	14,659,427,040
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(551,001,300)	-	-	-	-	(551,001,300)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	33,228,897,618	5,881,112,202	-	(45,491,122,023)	(6,381,112,203)
Chia Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(13,320,000,000)	(13,320,000,000)
Số dư tại ngày 30/06/2011	74,000,000,000	32,364,960,000	(551,001,300)	71,961,473,865	11,694,336,763	-	14,659,427,040	204,129,196,368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0103002982 ngày 18 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 74.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn điều lệ			Vốn thực góp đến ngày 30/06/2011		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	4,080,000	55.14%	40,800,000,000	4,080,000	55.14%	40,800,000,000
Các cổ đông khác	3,320,000	44.86%	33,200,000,000	3,320,000	44.86%	33,200,000,000
Cộng	7,400,000	100%	74,000,000,000	7,400,000	100%	74,000,000,000

Chia Cổ tức và trích quỹ

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 14 tháng 4 năm 2011 về việc chia cổ tức và trích quỹ như sau:

- Trả cổ tức bằng tiền mặt là 18% trên mệnh giá, tương đương với 13.320.000.000 đồng;
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển là 33.228.897.618 đồng;
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính là 5.881.112.202 đồng;
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi là 5.881.112.203 đồng;
- Trích thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành là 500.000.000 đồng.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty đã trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết nêu trên. Số cổ tức đã được chi trả trong kỳ là 13.063.820.610 đồng.

Cổ phiếu

	30/06/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	7,400,000	7,400,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	7,400,000	7,400,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	22,600	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	7,377,400	7,400,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	178,977,685,155	195,604,334,752
Doanh thu hoạt động bán bê tông, gạch	959,667,420	3,377,649,082
Khác	996,623,873	5,768,541,889
	180,933,976,448	204,750,525,723

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	151,788,085,750	173,372,884,069
Giá vốn hoạt động bán bê tông, gạch	746,087,565	3,337,019,599
Khác	674,426,408	2,863,916,258
	153,208,599,723	179,573,819,926

19. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	4,343,390,297	5,704,330,267
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,698,693	347,264
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3,057,996,000	2,843,934,000
	7,403,084,990	8,548,611,531

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	10,121,571,091	8,728,704,935
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	278,783
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	323,773,590
	10,121,571,091	9,052,757,308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	18,526,570,720	17,723,637,852
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	3,057,996,000	2,843,934,000
Thu nhập chịu thuế	15,468,574,720	14,879,703,852
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	3,867,143,680	3,719,925,963
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,867,143,680	3,719,925,963

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14,659,427,040	14,003,711,889
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7,399,813	7,400,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,981	1,892

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	2,425,196,416	31,443,988,968
Công ty Cổ phần VIMECO	871,420,594	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội	-	2,524,053,369
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu xây dựng VINACONEX 2	3,264,097,727	1,223,522,727
Công ty Cổ phần VIMECO	6,304,642,998	10,392,124,095
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	77,863,636	-
Công ty Cổ phần Vinaconex số 25	1,333,045,454	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex - VINACONSULT	15,695,223	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng VINACONEX Xuân Mai	452,742,145	-
Mua tài sản cố định		
Công ty Cổ phần Vinaconex số 9	2,603,662,855	-
Giao dịch với Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam		
Trả lãi vay nội bộ	-	624,378,000
Trả tiền cổ tức	7,344,000,000	7,344,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	7,721,277,726	24,323,950,711
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	1,066,138,000	1,066,138,000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	51,036,316	51,036,316
Công ty Cổ phần Vinaconex số 6	52,197,747	96,761,247
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	157,506,111	157,506,111
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	-	11,620,000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	4,990,788	4,990,788
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	1,780,298,994	1,782,418,994
Công ty Cổ phần VIMECO	958,562,653	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	164,177,231	1,287,842,465
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	20,294,214	20,294,214
Công ty Cổ phần du lịch Khách sạn Suối Mơ	300,000,000	300,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex (VINAHUD)	13,199,918	13,199,918
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex	-	64,033,200
Ban quản lý Dự án Hệ thống cấp nước Sông Đà	472,775,564	559,934,906
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng mở rộng đường lán Hoà Lạc	666,955,720	966,823,741
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	12,322,494	12,322,494
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp VINACONEX	-	160,972,000
Công ty Cổ phần đầu tư và dịch vụ đô thị Việt Nam - VINASINCO	-	76,950,000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex - VINACONSULT	113,826,163	196,745,445
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	2,410,566,400	2,410,566,400
Công ty Cổ phần Tài chính Vinaconex - Viettel	49,965,550,833	50,000,000,000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng kỹ thuật VINACONEX	322,582,669	322,582,669
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu xây dựng VINACONEX 2	2,767,005,997	3,127,651,289
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex (VINAHUD)	982,631,153	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	102,895,116	102,895,116
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	159,620,365	159,620,365
Công ty Cổ phần VIMECO	9,900,202,735	9,437,897,937
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng VINACONEX Xuân Mai	498,016,360	125,648,874
Công ty Cổ phần Xi măng VINACONEX Lương Sơn Hòa Bình	7,520,000	7,520,000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng mở rộng đường lán Hoà Lạc	22,578,880	22,578,800
Công ty Cổ phần Sản giao dịch bất động sản VINACONEX	-	1,332,272,286
Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh Vinaconex	-	21,660,000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	433,799,725	469,853,725
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex - VINACONSULT	17,264,745	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 25	654,489,999	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	-	1,662,634,000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	2,120,000
Ban quản lý Dự án Hệ thống cấp nước Sông Đà	-	207,295,207
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng mở rộng đường láng Hoà Lạc	-	287,114,766

Phải trả nội bộ

Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	28,663,524	4,297,222
---	------------	-----------

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1,063,800,000	838,960,000

24. THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trong kỳ, Công ty tiếp tục thực hiện Dự án Khu văn phòng, nhà ở cao cấp VINACONEX 1: Dự án được khởi công xây dựng từ quý II năm 2008. Tòa nhà cao 27 tầng tại khu đất DSK phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội với tổng vốn đầu tư dự kiến là 996.862.872.420 đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, tòa nhà đã thi công phần thô theo đúng tiến độ dự kiến.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét. Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Nguyễn Thạc Kim
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Duy Hải
Kế toán trưởng